

Bản án số: 1032/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Hưng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyễn.**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1454/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1970. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Số nhà 13/2 Khu phố Thống Nhất 1, phường DA, thị xã DA, tỉnh BD

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: G16/1 ấp 7, xã LMX, huyện BC, TP H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1988, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QS, huyện QP, tỉnh TB vào ngày 19/12/1988. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường không phát sinh mâu thuẫn đến năm thứ hai thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L không biết căn cứ vào đâu mà cứ nghi ngờ bà H có quan hệ không trong sáng với người đàn ông khác. Mặt khác, bản thân ông L cũng có quan hệ không trong sáng với người phụ nữ khác và thường xuyên đánh và đuổi bà H ra khỏi nhà. Do ông L thường xuyên kêu tên bố mẹ bà H ra chửi và đe dọa tính mạng của bà H nên từ tháng 11 năm 2017 đến nay bà H và ông L sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể hàn gắn được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà H và ông L chung sống với nhau có 02 (hai) con chung là chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/11/1990 và chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 16/02/1994. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có.

Ngoài ra bà H không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị H nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của Công an xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Công an xã Lê Minh Xuân trả lời xác minh theo Công văn số 128/TAHBC ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh) thì ông Nguyễn Văn L đang cư trú tại G16/1 ấp 7, xã LMX, huyện BC, TP H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Văn L đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông L vẫn vắng mặt và bà Nguyễn Thị H thì có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông L theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông L đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của bà H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 do Ủy ban nhân dân xã QS, huyện QP, tỉnh TB cấp ngày 19/12/1988 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông L để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà H hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà H thì quan hệ vợ chồng của bà H và ông L đã phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, ông L thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình và còn có quan hệ không trong sáng với người phụ nữ khác. Do vợ chồng không còn tiếng nói chung nên bà H và ông L đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân ngày 16/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì Ủy ban nhân dân xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh không nắm rõ hiện nay ông L và bà H có còn sống chung với nhau hay không.

Mặt khác, do ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để mời tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông L vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông L không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông L.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H xác nhận bà và ông L chung sống với nhau có 02 (hai) con chung là chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/11/1990 và chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 16/02/1994. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Do bà H xác nhận để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết còn ông L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Do bà H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết còn ông L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn L.

Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số 44 do Ủy ban nhân dân xã QS, huyện QP, tỉnh TB cấp ngày 19/12/1988 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Do chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/11/1990 và chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 16/02/1994 là con chung của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H xác nhận để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006432 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND xã QS, huyện QP, tỉnh TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trọng Hưng